BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 84 /2026/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2026*

THÔNG TƯ

Ban hành tiêu chí đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và việc tổ chức thực hiện tại các đô thị

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 354/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển đô thị;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành tiêu chí đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và việc tổ chức thực hiện tại các đô thị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định các tiêu chí, phương pháp đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và việc tổ chức thực hiện tại các đô thị trên cả nước.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của các đô thị.

Điều 2. Yêu cầu chung đối với việc đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của các đô thị

1. Công khai, minh bạch, phản ánh đúng thực trạng.

2. Dữ liệu phục vụ việc đánh giá phải được cơ quan, tổ chức theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp và đảm bảo khả năng kiểm chứng.

3. Việc sử dụng dữ liệu để đánh giá phải ưu tiên dữ liệu sẵn có của cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa phương.

4. Việc tổ chức thực hiện đánh giá phải tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm vùng miền của đô thị.

5. Kết quả đánh giá phải được công khai theo các hình thức phù hợp, đảm bảo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; thể hiện bằng các hình thức dễ hiểu, dễ nhớ, trực quan bằng các sơ đồ, biểu đồ, bản đồ và các hình thức khác.

Điều 3. Tiêu chí và phương pháp đánh giá

1. Đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị là việc đánh giá mức độ của đô thị trong việc nhận diện, dự báo, chuẩn bị, duy trì, thích nghi, phục hồi và chuyển đổi tích cực trước các tác động của biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan, theo 05 tiêu chí sau:

a) Chính sách quản lý phát triển đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu;

b) Cơ sở hạ tầng đô thị thiết yếu chống chịu với biến đổi khí hậu;

c) Môi trường sinh thái chống chịu với biến đổi khí hậu;

d) Năng lực xã hội chống chịu với biến đổi khí hậu;

đ) Năng lực kinh tế, tài chính chống chịu với biến đổi khí hậu.

2. Việc đánh giá các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện bằng cách tính điểm các chỉ số theo quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Điểm của mỗi chỉ số bao gồm cả điểm cộng (nếu có) được xác định bằng cách đối chiếu thực trạng tình hình của đô thị với các mức đánh giá của từng chỉ số. Điểm của mỗi tiêu chí là tổng số điểm đạt được của các chỉ số của tiêu chí đó và điểm cộng (nếu có). Điểm của đô thị là tổng số điểm đạt được của 05 tiêu chí. Điểm tối đa của đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II là 69 điểm; điểm tối đa của đô thị loại III là 54 điểm.

3. Phương pháp thu thập, tính toán các chỉ số được quy định cụ thể tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Số liệu đánh giá là số liệu của đô thị trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm được đánh giá và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc tổ chức có liên quan cung cấp, công bố theo quy định pháp luật về thống kê, pháp luật về dữ liệu và pháp luật khác có liên quan.

5. Mức độ đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị được quy định cụ thể tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Thông tư này.

Điều 4. Mức độ đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị loại đặc biệt, loại I

Khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị loại đặc biệt, loại I được đánh giá theo 04 mức độ thứ tự từ thấp đến cao như sau:

1. Đô thị ở mức độ hạn chế khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt dưới 30% điểm tối đa của đô thị.

2. Đô thị đạt mức độ trung bình khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt từ 30% trở lên điểm tối đa của đô thị và chưa đạt mức quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Đô thị đạt mức độ khá khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt từ 50% trở lên điểm tối đa của đô thị, 30% trở lên số lượng đô thị loại II trực thuộc được đánh

giá có kết quả đánh giá đạt mức độ trung bình trở lên và chưa đạt mức quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Đô thị đạt mức độ tốt khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt từ 70% trở lên điểm tối đa của đô thị, 50% trở lên số lượng đô thị loại II và 50% trở lên số lượng đô thị loại III trực thuộc được đánh giá có kết quả đánh giá đạt mức độ khá trở lên.

Điều 5. Mức độ đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị loại II

Khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị loại II được đánh giá theo 04 mức độ thứ tự từ thấp đến cao như sau:

1. Đô thị ở mức độ hạn chế khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt dưới 30% điểm tối đa của đô thị hoặc có tiêu chí đạt 0 điểm.

2. Đô thị đạt mức độ trung bình khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt từ 30% trở lên điểm tối đa của đô thị, không có tiêu chí nào đạt 0 điểm và chưa đạt mức quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Đô thị đạt mức độ khá khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt từ 50% trở lên điểm tối đa của đô thị, không có tiêu chí nào đạt dưới 30% điểm tối đa của tiêu chí đó và chưa đạt mức quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Đô thị đạt mức độ tốt khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt từ 70% trở lên điểm tối đa của đô thị và không có tiêu chí nào đạt dưới 50% điểm tối đa của tiêu chí đó.

Điều 6. Mức độ đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị loại III

Khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị loại III được đánh giá theo 04 mức độ thứ tự từ thấp đến cao như sau:

1. Đô thị ở mức độ hạn chế khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt dưới 30% điểm tối đa của đô thị.

2. Đô thị đạt mức độ trung bình khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt từ 30% đến dưới 50% điểm tối đa của đô thị.

3. Đô thị đạt mức độ khá khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt từ 50% đến dưới 70% điểm tối đa của đô thị.

4. Đô thị đạt mức độ tốt khi tổng số điểm của 05 tiêu chí đạt từ 70% trở lên điểm tối đa của đô thị.

Điều 7. Phạm vi đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị

1. Phạm vi đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị loại đặc biệt, loại I là toàn bộ địa giới đơn vị hành chính của đô thị.

2. Phạm vi đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị loại II, loại III là phạm vi đô thị được phân loại đô thị.

Điều 8. Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị

1. Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị được lập theo các tiêu chí, phương pháp đánh giá quy định tại Điều 3 của Thông tư này và các nội dung chính quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Nội dung chính của Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị bao gồm: mô tả tổng quan về hiện trạng đô thị liên quan đến các tiêu chí, chỉ số đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu; đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khắc phục, duy trì và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị tại kỳ đánh giá trước (nếu có); thuyết minh việc xác định, tính toán các tiêu chí, chỉ số và đánh giá mức độ khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị tại kỳ đánh giá; đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm khắc phục, duy trì và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị.

3. Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị áp dụng theo mẫu quy định cụ thể tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Tổ chức đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị

1. Các đô thị được tổ chức đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Công bố kết quả đánh giá

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức, nội dung, cơ quan có thẩm quyền công bố công khai kết quả đánh giá trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng, các cơ quan khác và theo các hình thức khác, đáp ứng quy định tại Điều 2 của Thông tư này;

b) Kết quả đánh giá được công bố lần đầu trước ngày 01 tháng 6 năm 2027, định kỳ trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo. Nội dung công bố không ít hơn các nội dung sau: tên, loại đô thị, năm đánh giá, kết quả đánh giá các tiêu chí, chỉ số, mức độ chống chịu với biến đổi khí hậu đối với trường hợp đánh giá định kỳ hằng năm;

c) Kết quả đánh giá có thể được công bố riêng với từng đô thị hoặc công bố chung cho nhiều đô thị hoặc theo từng đợt, từng nhóm đô thị.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Tổ chức thực hiện việc đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị; thực hiện phân công, phân cấp cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp lập Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 35/2026/NĐ-CP;

b) Phân công các sở, ban, ngành, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, tổ chức có liên quan chủ trì hoặc phối hợp theo dõi, cập nhật, cung cấp thông tin, số liệu,

dữ liệu chuyên ngành theo yêu cầu đánh giá; từng bước áp dụng theo lộ trình phù hợp các giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, quản trị dựa trên cơ sở dữ liệu trong việc đánh giá, công bố kết quả đánh giá;

c) Chỉ đạo công bố kết quả đánh giá theo các hình thức phù hợp và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

d) Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên nhằm khắc phục, duy trì và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của đô thị;

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện đánh giá, công bố kết quả đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của các đô thị theo thẩm quyền.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2027./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố;
- Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (BTP);
- Công báo; Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;
- BXD: Các đ/c Thứ trưởng; Cổng TTĐT, Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, PTĐT (03 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG

Nguyễn Tường Văn